

DAO CÁCH LY 1 PHA LOẠI M3- 38kV- 600A (hoặc 900A) Khả năng chịu dòng ngắn mạch đỉnh 40kA

Ứng dụng

Dao cách ly (DS) M3 là loại 1 pha đóng/cắt bằng sào thao tác. Sử dụng để đóng/cắt cho lưới điện lên đến 38kV. Thiết kế cho phép vận hành trên lưới điện phân phối trung thế hoặc sử dụng trong trạm. Dòng điện định mức 600A hoặc 900A, khả năng chịu dòng ngắn mạch ngắn hạn 25kA/3s, 40.000A đỉnh, DS M3 có thể được sử dụng cho:

- Trục chuyển tiếp lưới nổi-ngầm
- Xà đơn
- Xà kép
- Các trụ nhôm hoặc thép

và bất cứ nơi nào cần thiết được phân đoạn (không tải). Tùy chọn thêm "bypass studs" như hình dưới cho phép đấu tắt reclosers, điều áp, giàn tụ bù hoặc thiết bị đo đếm.

Vận hành

Tất cả DS M3 đều gồm móc cho phép sử dụng đóng DS hoặc dùng với thiết bị cắt tải chuyên dụng. Để sử dụng cắt có tải, chỉ sử dụng với những loại thiết bị cắt tải chuyên dụng được phép theo khuyến cáo của Nhà sản xuất.

Tiếp điểm mạ bạc giúp giảm điện trở tiếp xúc. Dễ dàng mở trong điều kiện băng tuyết, vòng kéo kích hoạt chốt như một đòn bẩy.

Cấu tạo của DS loại M3

1. By-pass Studs (Tùy chọn)

02 by-pass studs bằng hợp kim đồng được sử dụng cho đầu tắt bộ điều áp, recloser hoặc thiết bị đo đếm. Cung cấp bảo vệ chống ăn mòn vượt trội cũng như độ dẫn điện cao.

2. Tấm cực (Bao gồm)

Tấm cực đồng dẫn điện mạ thiếc 2 lỗ theo chuẩn NEMA.

3. Lò xo dự phòng (Bao gồm)

Hai lò xo bằng thép không gỉ cho độ bền cao và khả năng chống ăn mòn vượt trội để duy trì dẫn dòng điện hiệu quả tại điểm tiếp xúc tĩnh và đầu lưỡi dao.

4. Móc cắt tải (Bao gồm)

Móc cắt tải bằng thép mạ kẽm nhúng nóng theo chuẩn ASTM A153 cho phép bảo vệ chống ăn mòn và sử dụng với dụng cụ cắt tải chuyên dụng.

5. Lưỡi dao bằng đồng (Bao gồm)

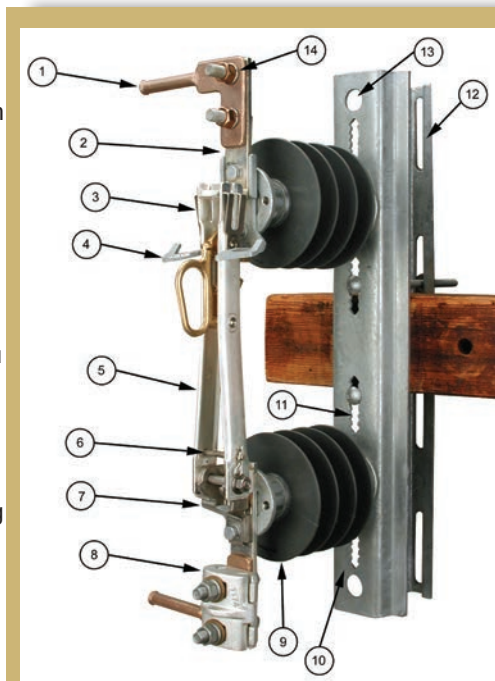
Lưỡi dao bằng đồng dẫn điện cao và tiếp điểm mạ bạc. Lưỡi dao sử dụng thiết kế tiếp xúc bốn góc cho hiệu suất vượt trội dẫn dòng điện. Lưỡi cắt có hình tam giác và hình thành cạnh cho độ cứng và khả năng tải của lưỡi trong quá trình đóng rất tốt.

6. Chốt thép không gỉ (Bao gồm)

Chốt thép không gỉ có thể được lắp ở đầu lưỡi dao.

7. Chốt vị trí mở 160 độ (Tùy chọn)

Đây là một chốt thép không gỉ để giữ lưỡi dao ở vị trí mở 160 độ.



8. Kẹp cực 2 rãnh song song, (Tùy chọn)

Mã hiệu ATC1343, kẹp rãnh song song bằng nhôm mạ cadmium, được trang bị bu lông và đai ốc bằng thép mạ kẽm và cho phép đấu dây từ 35-240mm² bằng nhôm hoặc đồng.

9. Cách điện

Cách điện tròn 2,25in ESP™.

10. Đế DS

Đế bằng thép mạ kẽm nhúng nóng theo chuẩn ASTM A153 chống ăn mòn có thể được lắp trên xà đơn hoặc xà kép, kích thước chi tiết xin xem bản vẽ bên dưới.

11. Khe răng cưa (Bao gồm)

Để giữ lại các bu lông 3/8in, được bao gồm khi đặt hàng. Khe trơn có thể đặt như một tùy chọn nếu cần.

12. Tấm nẹp đế DS (Bao gồm)

Đi kèm với đế DS, hình chữ U cho độ cứng và chắc. Mạ kẽm theo tiêu chuẩn ASTM A153 chống ăn mòn.

13. Lỗ neo dự phòng (Bao gồm)

Các lỗ cho dây dẫn neo được đóng sẵn trên đế DS. Định mức tải làm việc 8.000lb. Kích thước lỗ là 1in.

14. Phụ kiện (Tùy chọn)

Hai bu lông thép không gỉ kèm lông đèn, đai ốc bằng đồng.

Định mức DS cấp phân phối											
Áp định mức kV	BIL	Vật liệu	Định mức điện				Định mức cơ				
			Chiều dài đường rò (in)	Khoảng cách phóng điện (in)	Điện áp chịu đựng theo ANSI		Uốn cong (lbs)	Lực căng (lbs)	Xoắn (in-lb)	Nén (lbs)	Trọng lượng (lbs)
					Ướt kV	Khô kV					
27	125	Cao su ESP	21.9	8.1	45	50	1,000	5,000	3,000	5,000	3.30
		Sứ	15.5	7.0	45	50	1,000	5,000	3,000	5,000	9.00
38	150	Cao su ESP	28.0	10.0	60	70	800	5,000	3,000	5,000	4.50
		Sứ	24.0	9.5	60	70	800	5,000	3,000	5,000	11.45

Định mức cấp phân phối

Điện áp định mức/BIL: 25kV/125kV, 34.5/150kV
 Dòng điện định mức: 600 or 900 amp
 Dòng điện chịu ngắn mạch đỉnh: 40.000A
 Dòng điện ngắn mạch chịu đựng: 25kA/3s
 Lực chịu tới hạn: 8.000 lbs

Cách điện cấp phân phối

Cách điện cấp phân phối là dạng bulông tròn 2 1/4" được cung cấp với 125 hoặc 150kV BIL phù hợp cho cấp điện áp 27 và 38kV.

Cách điện ESP™



Thiết kế cách điện ESP™:

• Rod

Cách điện ESP™ lõi sợi thủy tinh được sản xuất từ vật liệu có chất lượng tốt nhất. Các thành phần được căn chỉnh sao cho lực căng chịu được tối đa. Lõi được lắp đầy bởi sợi thủy tinh.

• Phụ kiện 2 đầu

Phụ kiện kim loại được ép trực tiếp vào 2 đầu lõi cách điện sợi thủy tinh. Vị trí bấm yêu cầu không có sự di chuyển của các thành phần tạo nên độ bền cơ học cao, cũng như không sử dụng chất kết dính để kết nối phụ kiện vào lõi

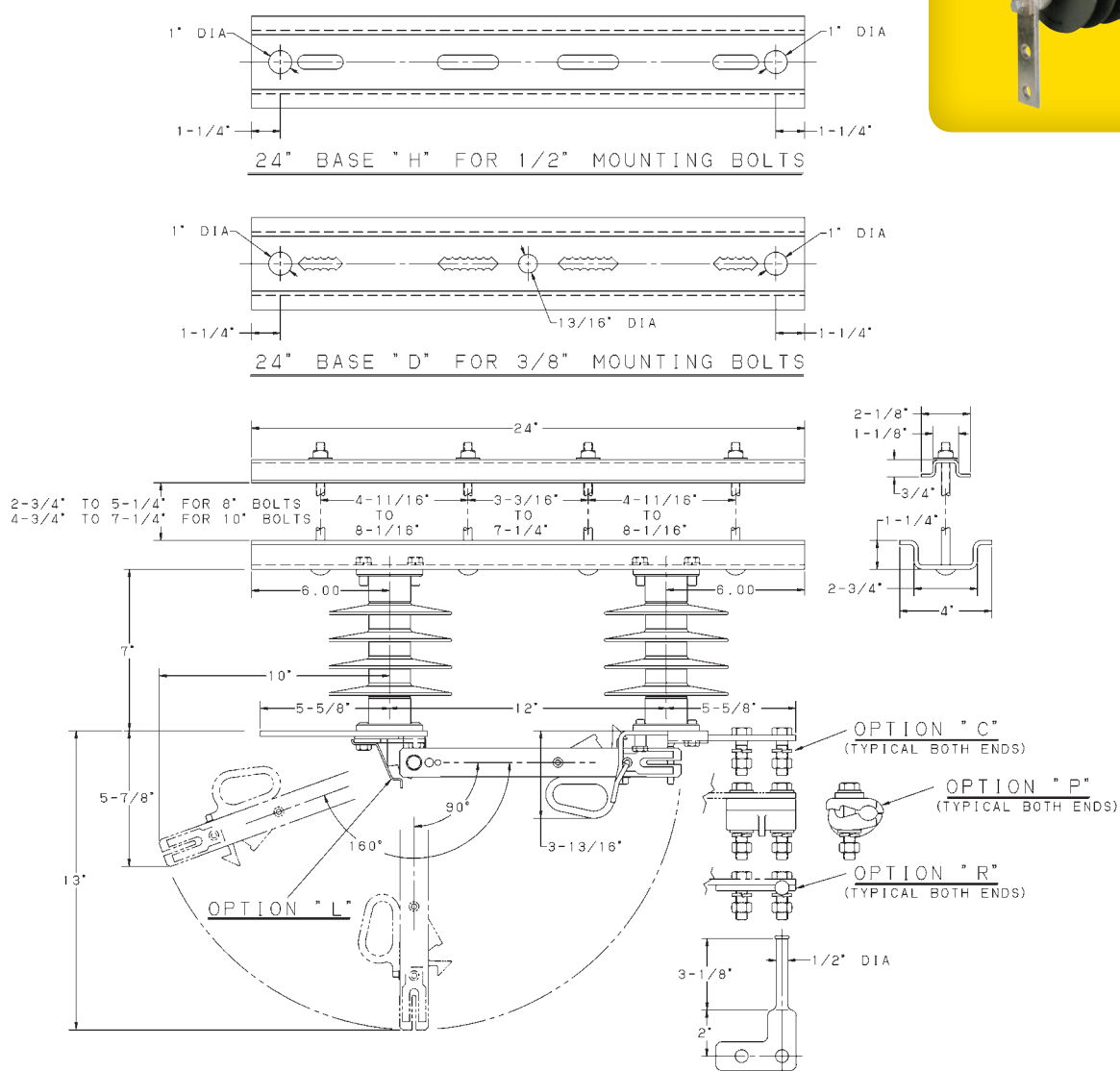
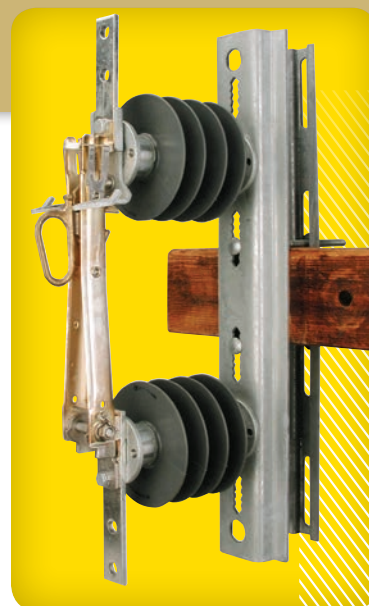
• Tán cách điện chịu thời tiết

Cách điện ESP™ là loại tương tự sử dụng trong chống sét PDV, FCO/LBFCO, chuỗi cách điện Hi*Lite, Veri*Lite và PDI của Hubbell. ESP™ là loại polymer được làm bằng hỗn hợp silicone và cao su EPDM. Hỗn hợp này cung cấp độ bền và khả năng chống rạn nứt, với đặc tính chống nước có nguồn gốc từ dầu silicone trọng lượng phân tử thấp từ Ohio Brass.

Ohio Brass sử dụng một số thử nghiệm để đánh giá vật liệu như thử rạn nứt, chịu tia UV, thử cắt hồ quang, thử sương muối, độ ổn định oxy hóa và các biến thể của các thử nghiệm phân tích nhiệt vi sai đảm bảo chất lượng của vật liệu cách điện ESP.

Cấp phân phối

DS loại M3- Thông tin kích thước



DS loại M3 Cấp phân phối

Mã đặt hàng

M3

Bộ đỡ

D = Bộ đỡ phân phối, khe răng cửa với 4 bulông $\frac{3}{8}$ " x 8"/10"

H = Bộ đỡ phân phối, khe không răng cửa với 4 bulông $\frac{1}{2}$ " x 8"/10"

Dòng điện định mức

6 = 600 A

9 = 900 A

Cách điện

3 = 25kV 125BIL loại sứ (không có định mức 900A)

4 = 35kV 150BIL loại sứ

7 = 25kV 125BIL Polymer (không có định mức 900A)

8 = 35kV 150BIL Polymer

OPTIONS

P = kẹp 2 rãnh song song

(mã ACT1343, 2 cái cho mỗi DS)

2 kẹp rãnh song song và phụ kiện cho phép kẹp dây nhôm hoặc đồng đến 240mm².

R = Bypass Studs

(mã P8070166P, 2 cái cho mỗi DS)

02 cái bypass studs hợp kim đồng, cho phép đấu tắt recloser hoặc bộ điều áp

Bulông dài

A = 25,4 cm

B = 20,3cm

